

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 286/2026/HSST

Ngày: 20/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương, ông Nguyễn Việt Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Linh Chi - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội tham gia phiên tòa:**

Bà Đỗ Thị Phương Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 234/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị T**, sinh năm 1988 tại Thanh Hoá; CCCD 038188004409; Giới tính: nữ; Nơi thường trú và chỗ ở: **Số C ngách B /16/18 đường H, phường H, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: **Lê Đình K**, sinh năm 1965 và bà: **Lê Thị T1**, sinh năm 1968; Chồng: **Trần Ngọc N**, sinh năm 1984; có 02 con: con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2025; hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – **Công an thành phố H** (có mặt).

*** Bị hại :**

1. Anh **Trần Tiến M**, sinh năm: 2000, địa chỉ: **tổ B phường V, thành phố Hà Nội** (vắng mặt).

2. Chị **Phạm Thị Minh H**, sinh năm: 1994, địa chỉ: **Tòa i2 imperia S city, KĐT mới T, Vinhomes park, phường T, Hà Nội** (vắng mặt).

3. Chị **Nguyễn Thị Hồng H1**, sinh năm: 1999, địa chỉ: **thôn M, xã L, tỉnh Bắc Ninh** (vắng mặt).

4. Chị **Đặng Thị T2**, sinh năm: 1995, địa chỉ: **thôn Đ, phường P, tỉnh Hưng Yên** (vắng mặt).

5. Chị **Nghiêm Thị Lệ H2**, sinh năm: 1997, địa chỉ cũ: 64/13 **tổ A Kp Ngã B, phường T, tỉnh Đồng Nai** (vắng mặt).

6. Chị **Đoàn Thị Hương G**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: **Số nhà H tổ D khu F H, H, tỉnh Quảng Ninh** (vắng mặt).

7. Chị **Hà Phương L**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: **số A ngách C A, phường H, thành phố Hà Nội** (vắng mặt).

8. Chị **Vũ Thị Y**, sinh năm: 1994, địa chỉ cũ: **làng N, xã M, tỉnh Hưng Yên** (vắng mặt).

9. Chị **Vũ Thị H3**, sinh năm: 1992, địa chỉ: **số nhà C, tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh** (vắng mặt).

10. Chị **Nguyễn Thị Thu H4** - sinh năm: 1995, địa chỉ: **khu Y, phường B, tỉnh Quảng Ninh** (vắng mặt).

11. Chị **Hoàng Thị T3**, sinh năm: 1990, Nơi thường trú: **Cụm C, xã T, thành phố Hà Nội**; Nơi ở hiện nay: **HH3A L, H, thành phố Hà Nội** (vắng mặt).

12. Chị **Vũ Thị N1**, sinh năm: 1998, địa chỉ: **C, xã T, thành phố Hải Phòng**; chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã Đ, thành phố Hải Phòng** (vắng mặt).

13. Chị **Nguyễn Thị Thanh L1**, sinh năm: 1987, địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị** (vắng mặt).

14. Chị **Đinh Thị Bích T4**, sinh năm: 1990, địa chỉ: **Thôn M, xã H, tỉnh Lâm Đồng** (vắng mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị T1** – sinh năm 1968; Địa chỉ: **Tổ dân phố E, phường B, tỉnh Thanh Hóa** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013, **Lê Thị T** làm nghề buôn bán hàng quần áo, giày dép với phương thức chạy quảng cáo, thanh toán trên các mạng xã hội. Quá trình buôn bán, **T** dùng tài khoản Zalo “*Theule*” đăng ký theo số điện thoại 0396223007 để lập ra 05 nhóm Zalo gồm: “*Vnxc – Kids 1*”, “*Quang Châu C – Kids1*”, “*giày dép – phụ kiện quang châu cao cấp*”, “*Sỉ Hàng Sơ sinh Nous Chang M1....*”, “*tách lô – chia sll*” sau đó chia sẻ sang nhiều hội nhóm để mời khách. Ngoài ra, **T** còn sử dụng tài khoản Facebook “*Theu Le*” để đăng bài chia sẻ và để thông tin đường dẫn (*link*) vào các nhóm Zalo nêu trên để khách tìm hiểu. Nếu khách quan tâm, **T** sẽ duyệt khách vào trong các nhóm Zalo này. Không có sẵn hàng để bán nhưng hàng ngày **T** vào các nhóm Zalo bán hàng khác và chia sẻ các mẫu mã từ các nhóm này về nhóm Zalo của **T** để khách lựa chọn, khi ưng ý khách sẽ nhắn tin

cho **T** để thỏa thuận việc đặt cọc trước một khoản tiền để làm tin sau đó **T** sẽ lấy hàng từ các nhóm khác và bán lại cho khách kiếm lời.

Từ các năm 2022, 2023, do nợ nần nhiều nên **T** nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đặt cọc mua hàng của khách để chi tiêu cá nhân. Để thực hiện việc chiếm đoạt, khi có khách liên hệ chốt đơn, **T** nói đang có sẵn hàng, nếu khách hàng đặt cọc một phần sẽ nhận được hàng sau từ 01 đến 02 ngày, ngoài ra nếu thanh toán hết ngay tiền hàng sẽ được Thêu miễn phí vận chuyển, chiết khấu giảm giá. Mục đích **T** đưa ra các yêu cầu trên để khách tin tưởng chuyển tiền cho **T**. Sau khi nhận được tiền cọc và tiền thanh toán toàn bộ các đơn hàng từ khách, **T** chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết, không dùng tiền của khách để mua hàng, không trả hàng cho khách như đã thỏa thuận. Khi quá hạn, các khách hàng yêu cầu trả lại tiền thì **T** sẽ lấy nhiều lý do khác nhau để kéo dài thời gian, đến khi không thỏa thuận được thì **T** không trả lời hoặc chặn liên lạc, không trả lại tiền.

Quá trình thỏa thuận, thanh toán với khách, **Lê Thị T** sử dụng 03 tài khoản ngân hàng và 01 tài khoản **V1** pay liên kết với **ngân hàng Q** để giao dịch chuyển và nhận tiền gồm: Tài khoản số 19035057896018 của **Ngân hàng K1 (T6)**; Tài khoản số 0021000448117 của **Ngân hàng N3 (V2)**; Tài khoản số 0790103806004 của **Ngân hàng Q (Q)**; Tài khoản Viettelpay số 9704229228994187 – **Q**. Tất cả các tài khoản trên đều mang tên **Lê Thị T**. Quá trình thực hiện việc chuyển nhận tiền của khách đều được **T** thực hiện tại nơi ở: **Số C ngách B đường H, phường H, thành phố Hà Nội**.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2022 đến cuối năm 2023, **Lê Thị T** đã chiếm đoạt tiền của 14 khách hàng. Cụ thể như sau:

1. Anh **Trần Tiến M** (sinh năm: 2000, địa chỉ: **tổ B phường V, thành phố Hà Nội**) sử dụng tài khoản số 0329501800 – **V3** chuyển cho **T** tổng số tiền 12.000.000 đồng vào tài khoản **V2** của **T** trong ngày 27/5/2023 để đặt mua một số lượng đôi dép trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết số tiền này, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho anh **M**.

2. Chị **Phạm Thị Minh H** (sinh năm: 1994, địa chỉ: **Tòa i2 imperia S city, KĐT mới T, Vinhomes park, phường T, Hà Nội**) sử dụng tài khoản số 19036294567017 - **T6** chuyển cho **T** tổng số tiền 7.600.000 đồng vào tài khoản **V2** của **T** trong ngày 03/01/2023 để mua một số bộ quần áo trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết số tiền này, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **H**.

3. Chị **Nguyễn Thị Hồng H1** (sinh năm: 1999, địa chỉ: **thôn M, xã L, tỉnh Bắc Ninh**) sử dụng tài khoản số 2507205595736 - **A** chuyển cho **T** tổng số tiền 7.900.000 đồng vào tài khoản **T6** của **T** trong ngày 05/3/2023 để đặt mua nhiều

mặt hàng quần áo trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết số tiền này, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **H1**.

4. Chị **Đặng Thị T2** (sinh năm: 1995, địa chỉ: **thôn D, phường P, TP H**) sử dụng tài khoản số 0351001034022- **V2** chuyển cho **T** tổng số tiền 12.340.000 đồng vào tài khoản **T6, V2** của **T** trong ngày 26/6/2023 và ngày 29/6/2023 để đặt mua nhiều bộ quần áo trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết số tiền này, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **T2**.

5. Chị **Nghiêm Thị Lệ H2** (sinh năm: 1997, địa chỉ cũ: **6 K T, thành phố B, Đồng Nai**) sử dụng tài khoản số 0934406008 – **Q** và 02355827202 – **T7** chuyển cho **T** tổng số tiền 44.510.000 đồng vào tài khoản **T6, V2** của **T** trong ngày 16/6/2023 đến ngày 30/6/2023 để đặt mua nhiều lô hàng quần áo trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **H2**.

6. Chị **Đoàn Thị Hương G** (sinh năm: 1991, địa chỉ cũ: **tổ D khu F H, H, Quảng Ninh**) sử dụng tài khoản số 10115551502 – **T7** chuyển cho **T** tổng số tiền 6.650.000 đồng vào tài khoản **V2** của **T** trong ngày 15/12/2022 để đặt mua quần bò và áo sơ mi trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **G**.

7. Chị **Hà Phương L** (sinh năm: 1992, địa chỉ: **số 1 ngách C A, phường H, Hà Nội**) sử dụng tài khoản số 19035698117019 – **T6** và tài khoản số 0381000363277 – **V2** chuyển cho **T** tổng số tiền 102.434.000 đồng vào cả 3 tài khoản ngân hàng của **T** nêu trên trong ngày 28/7/2023 đến ngày 21/8/2023 để đặt mua nhiều bộ quần áo trẻ em hiệu lullaby, nous, cookie, chaang. Sau khi nhận tiền, **T** chuyển cho chị **L** số lượng hàng trị giá 23.143.000 đồng, số tiền còn lại là 83.941.000 đồng. Thêu chi tiêu cá nhân hết, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **L**.

8. Chị **Vũ Thị Y** (sinh năm: 1994, địa chỉ cũ: **làng N, thị xã M, Hưng Yên**) sử dụng tài khoản số 059100317870 - **V2** chuyển cho **T** tổng số tiền 11.810.000 đồng vào tài khoản **T6, V2** của **T** trong ngày 19/4/2023 đến ngày 25/4/2023 để mua nhiều mẫu quần áo trẻ em. Thêu có chuyển lại một ít hàng và tiền cho chị **Y**, số tiền còn lại là 8.310.000 đồng **T** chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **Y**.

9. Chị **Vũ Thị H3** (sinh năm: 1992, địa chỉ: **số nhà C N, phường V, tỉnh Bắc Ninh**) sử dụng tài khoản số 1016930937 - **V2** chuyển cho **T** tổng số tiền 7.100.000 đồng vào tài khoản **V2, Q** của **T** trong ngày 11/09/2023 để mua 71 bộ quần áo trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **H3**.

10. Chị **Nguyễn Thị Thu H4** (sinh năm: 1995, địa chỉ: **khu T, phường B, tỉnh Quảng Ninh**) sử dụng tài khoản số 44010000715815 - **B1** chuyển cho **T** tổng số tiền 7.700.000 đồng vào tài khoản **T6** của **T** trong ngày 26/8/2023 và ngày 28/8/2023 để đặt mua nhiều bộ quần áo trẻ em gái. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết số tiền này, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **H4**.

11. Chị **Hoàng Thị T3** (sinh năm: 1990, địa chỉ: **H L, H, Hà Nội**) sử dụng tài khoản số 0790103806004 - **Q** chuyển cho **T** tổng số tiền 50.155.000 đồng vào tài khoản **V2, T6** của **T** trong ngày 7/10/2023 đến ngày 14/10/2023 để đặt mua nhiều bộ quần áo trẻ em hiệu hrnee. Sau khi nhận tiền, **T** chuyển cho chị **T3** một số lượng hàng trị giá 14.300.000 đồng, số tiền còn lại là 35.855.000 đồng. Thêu chi tiêu cá nhân hết, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **T3**.

12. Chị **Vũ Thị N1** (sinh năm: 1998, địa chỉ: **C, xã T, Tp Hải Phòng**) sử dụng tài khoản số 102003581089 - **V4** chuyển cho **T** tổng số tiền 4.395.000 đồng vào tài khoản **T6** của **T** trong ngày 13/8/2023 để mua 35 bộ quần áo trẻ em hiệu avaler, moon, uagal, little love. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết số tiền này, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **N1**.

13. Chị **Nguyễn Thị Thanh L1** (sinh năm: 1987, địa chỉ: **thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị**) sử dụng tài khoản số 5320138078 - **B1** chuyển cho **T** tổng số tiền 41.000.000 đồng vào tài khoản **T6** của **T** trong ngày 25/7/2022 để đặt mua nhiều mẫu quần áo, giày dép trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chi tiêu cá nhân hết, không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **L1**.

14. Chị **Đinh Thị Bích T4** (sinh năm: 1990, địa chỉ: **đường H tổ C, khu phố A, xã H, tỉnh Lâm Đồng**) sử dụng tài khoản số 61110000394122 và số 61110000658217 mở tại **ngân hàng B1** chuyển cho **T** tổng số tiền 42.130.000 đồng vào tài khoản **T6** của **T** trong ngày 01/01/2022 đến ngày 12/01/2022 để đặt mua nhiều mẫu quần áo, giày dép trẻ em. Sau khi nhận tiền, **T** chuyển lại cho chị **T4** số lượng hàng và tiền trị giá 13.050.000 đồng, số tiền còn lại là 29.080.000 đồng. Thêu chi tiêu cá nhân hết không thực hiện việc đặt mua hàng và chuyển hàng cho chị **T4**.

Tổng số tiền **Lê Thị T** chiếm đoạt của 14 bị hại nêu trên là 308.381.000 đồng (ba trăm linh tám triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án, **T** và gia đình đã khắc phục hoàn trả cho các bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Tại phiên toà bà **Lê Thị T1** (mẹ đẻ bị cáo) trình bày: Trong quá trình điều tra và trong giai đoạn xét xử, **T** đã tác động để gia đình bà đứng ra bồi thường toàn bộ số tiền **T** đã chiếm đoạt của những người bị hại. Gia đình không yêu cầu **Lê Thị T** phải hoàn trả lại số tiền này.

Tại bản Cáo trạng số: 75/CT-VKS-HM ngày 09/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội truy tố bị cáo **Lê Thị T** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tích chất mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo **Lê Thị T** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu bạc đã qua sử dụng (Imei1: 357272095367102, Imei2: 357272095494831).

- Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt nên không đề nghị xét.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng bị cáo trình bày rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai các bị hại, phù hợp với các tài liệu sao kê chuyển khoản từ tài khoản của bị hại đến tài khoản của bị cáo, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: **Lê Thị T** làm kinh doanh mua bán hàng hóa, giày dép qua

mạng xã hội, do nợ nần nhiều, cần có tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ nên **T** đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện được mục đích của mình, trong thời gian từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 10 năm 2023, tại **số C ngách B đường H, phường H, thành phố Hà Nội**, bằng thủ đoạn gian dối, **Lê Thị Thêu T** dùng tài khoản mạng xã hội của mình đăng tin/phát trực tiếp video (Livestream) về việc đang có sẵn hàng (quần áo, giày dép), nếu khách hàng đặt cọc một phần sẽ nhận được hàng sau từ 01 đến 02 ngày, nếu khách thanh toán hết ngay tiền hàng sẽ được Thêu miễn phí vận chuyển, chiết khấu giảm giá. Các khách hàng tin tưởng thông tin **T** đưa ra là sự thật nên đã chuyển tiền (tiền đặt cọc hoặc tiền thanh toán toàn bộ đơn hàng) vào tài khoản cá nhân của **T**. Sau khi nhận được tiền cọc và tiền thanh toán đơn hàng từ khách, **T** không dùng tiền của khách chuyển để mua hàng, không trả hàng cho khách như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân và trả nợ; khi quá hạn, các khách hàng yêu cầu trả lại tiền thì **T** nói nhiều lý do khác nhau để kéo dài thời gian, đến khi không thỏa thuận được thì **T** không trả lời hoặc chặn liên lạc, không trả lại tiền.

Với thủ đoạn như trên, **Lê Thị T** đã chiếm đoạt tiền của 14 người, với tổng số tiền 308.381.000 đồng (ba trăm linh tám triệu, ba trăm tám mươi một nghìn đồng), bao gồm: chiếm đoạt của anh **Trần Tiến M** số tiền 12.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Phạm Thị Minh H** số tiền 7.600.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Nguyễn Thị Hồng H1** số tiền 7.900.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Đặng Thị T2** số tiền 12.340.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Nghiêm Thị Lệ H2** số tiền 44.510.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Đoàn Thị Hương G** số tiền 6.650.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Hà Phương L** số tiền 83.941.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Vũ Thị Y** số tiền 8.310.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Vũ Thị H3** số tiền 7.100.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Nguyễn Thị Thu H4** số tiền 7.700.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Hoàng Thị T3** số tiền 35.855.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Vũ Thị N1** số tiền 4.395.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Nguyễn Thị Thanh L1** số tiền 41.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị **Đinh Thị Bích T4** số tiền 29.080.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại là 308.381.000 đồng.

Bị cáo **Lê Thị T** là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội truy tố bị cáo **Lê Thị T** về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Trước khi bị bắt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo **Lê Thị T** có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần phạm tội đều trên 2.000.000 đồng nhưng chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bằng việc hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho 14 bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn bố chồng bị cáo bị liệt không có khả năng lao động, chồng sức khỏe yếu hạn chế khả năng lao động, các con còn nhỏ đang độ tuổi ăn học, gia đình bị cáo có công với nước: Ông ngoại **Lê Văn V** đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bà ngoại **Lê Thị N2** đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến; bố đẻ bị cáo là Đảng viên được trao quyết định tặng huy hiệu 30 năm tuổi đảng năm 2019. Do đó bị cáo **T** được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, do đó cần có hình phạt tù tương xứng tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về Hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị cáo **Lê Thị T** và gia đình bà **Lê Thị T1** (mẹ đẻ bị cáo) đã hoàn trả cho 14 bị hại toàn bộ số tiền chiếm đoạt, các bị hại nhận lại tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Do đó, không đề cập giải quyết trách nhiệm bồi thường.

Bà **Lê Thị T1** không yêu cầu bị cáo **T** phải hoàn trả số tiền gia đình bà đã đứng ra bồi thường cho bị hại, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án:

01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu bạc, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo, là tài sản cá nhân, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội (đăng tin bài, video, giao dịch chuyển khoản tiền) nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và **Đ** a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo **Lê Thị T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị T** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị T** 07 (**B**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (11/12/2025).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu bạc Imei1: 357272095367102, Imei2: 357272095494831 (điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động) (theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Hà Nội).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Lê Thị T** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2026).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Hà Nội;
- Những người TGTT
- Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thắm

